

WONG AI KHIM*
(Vương Tâm)

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ XÃ HỘI CỦA BA HỆ PHÁI TIN LÀNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VỀ TỔ CHỨC Ở VIỆT NAM VÀO ĐẦU THẾ KỶ 21

Tóm tắt: Trong lịch sử Việt Nam, tôn giáo vừa đóng vai trò gắn kết người dân vừa đẩy mạnh tầm quan trọng của việc thừa nhận tôn giáo của một cá nhân, trong đó có đạo Tin Lành (Protestant Christianity) tại Việt Nam. Nghiên cứu này tập trung vào lịch sử phát triển của một số hệ phái Tin Lành nổi bật được Ban Tôn giáo Chính phủ chính thức công nhận trong thời kỳ đầu của thiên niên kỷ. Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam, Hội Thánh Mennonite Việt Nam và Tổng Hội Báp-tít Việt Nam (Ấn Điển-Nam Phương) là ba trong số mười một hệ phái Tin Lành được đặc biệt lựa chọn cho nghiên cứu này. Nghiên cứu này sử dụng các phương pháp phỏng vấn, thu thập thông tin qua phiếu điều tra, các bài tham luận và các tài liệu uy tín được xuất bản. Những biến cố xảy ra trong thời kỳ thuộc địa, các cuộc cách mạng trong nước và chiến tranh cuối thế kỷ 19 đã làm “gián đoạn” việc ghi chép lịch sử đạo Tin Lành tại Việt Nam. Việc bảo tồn những dấu ấn khác nhau trong lịch sử xã hội thông qua sự phát triển của từng Hội Thánh là điều cần thiết vì chúng đóng vai trò là di sản phi vật thể trong lịch sử Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Tin Lành, lịch sử xã hội, Việt Nam.

Dẫn nhập

Bài nghiên cứu này hướng tới lịch sử xã hội thông qua việc tập trung vào sự phát triển ba hệ phái Tin Lành nổi bật đã được Ban Tôn giáo Chính phủ chính thức công nhận vào đầu thế kỷ 21. Lịch sử xã hội được nghiên cứu dưới góc nhìn của sự kết nối chặt chẽ giữa quá

* Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
Ngày nhận bài: 30/6/2017; Ngày biên tập: 15/7/2017; Ngày duyệt đăng: 28/7/2017.

khứ và hiện tại thông qua quá trình phát triển của ba hệ phái được lựa chọn là: Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam, Hội Thánh Mennonite Việt Nam và Tổng Hội Báp-tít Việt Nam (Ân Điển - Nam Phương) cho tới khi họ được Nhà nước chính thức công nhận trước năm 2010.

Đạo Tin Lành là nhóm tôn giáo thiểu số tại Việt Nam, nhưng lại là nhóm tôn giáo phát triển nhanh nhất, từ đầu thế kỷ 21 đến nay đã tăng 600%¹. Cần có những nghiên cứu để hiểu rõ hơn về đạo Tin Lành, là một trong số những tôn giáo được chính thức công nhận tại Việt Nam². Thực tế là ngày nay tôn giáo vẫn có những tác động và ảnh hưởng đến đời sống của người dân Việt Nam theo nhiều cấp độ khác nhau, cung cấp cho người dân các giá trị đạo đức tôn giáo; cho họ thấy ý nghĩa và giá trị của sự tồn tại của bản thân và đối với thế giới họ đang sinh sống; và ban cho họ niềm an ủi và hy vọng về tương lai. Qua nhiều thế kỷ, tôn giáo đã truyền cảm hứng cho người dân Việt Nam xây dựng nên những cộng đồng mới, là hiện thân cho tầm nhìn của họ về thế giới hoàn hảo tại những nơi hoang tàn nhất, trong đó bao gồm cả đạo Tin Lành.

Chính vì vậy, sau hơn một thế kỷ truyền giáo, ngày nay các hệ phái Tin Lành tại Việt Nam đã trở thành một cộng đồng tôn giáo với sức tăng trưởng nhanh chóng, với các tổ chức và hệ phái đa dạng, đã tạo nên những đóng góp đáng kể vào việc bảo tồn và phát triển các giá trị đạo đức xã hội, và tích cực tham gia vào các hoạt động từ thiện, nhân đạo và văn hóa-xã hội (Nguyễn Xuân Hùng, 2011, tr. 104). Nghiên cứu này cũng cần thiết vì sau hơn một trăm năm đạo Tin Lành đến với Việt Nam, có rất ít hoặc không có tài liệu nghiên cứu nào viết về lịch sử xã hội thông qua sự phát triển của Hội Thánh, đặc biệt là về phía các hệ phái Tin Lành đã được Nhà nước công nhận. Mục đích của nghiên cứu này nhằm lưu giữ, bảo tồn một phần lịch sử phát triển tôn giáo tại Việt Nam, vì hiện tại chưa có các học giả Cơ Đốc địa phương và các học giả trong lĩnh vực nghiên cứu tìm hiểu về đạo Tin Lành, đặc biệt về chủ đề lịch sử và sự phát triển của Hội Thánh thông qua lịch sử xã hội của các hệ phái Tin Lành. Trước nghiên cứu này, Ban Tôn giáo Chính phủ đã cấp giấy chứng nhận công nhận mười một hệ phái Tin Lành tại Việt Nam, tuy nhiên vẫn chưa hề có một nghiên cứu cụ thể nào tập trung vào lịch sử xã hội thông qua sự phát triển của Hội

Thánh liên quan tới nguồn gốc và sự phát triển của từng hệ phái cho tới ngày nay. Chính vì lý do đó nên nghiên cứu này đã được tiến hành.

Nghiên cứu này cũng mong muốn cung cấp nhiều thông tin hơn và ích lợi cho ba hệ phái được lựa chọn nghiên cứu. Trước tiên, từng hệ phái sẽ có cái nhìn hoàn thiện hơn về dòng chảy lịch sử xã hội thông qua sự phát triển của Hội Thánh từ thời kỳ thành lập tới nay. Công việc này không chỉ giúp bảo tồn bối cảnh lịch sử mà còn cung cấp và tạo ra nguồn dữ liệu để mở rộng tri thức cho những người quan tâm tới đạo Tin Lành - nguồn tài liệu tham khảo cho những nghiên cứu tiếp theo trong tương lai. Tại thời điểm hiện tại, các dữ liệu về đạo Tin Lành còn rất hạn chế ở cả các thư viện tư và công cũng như tại các hiệu sách. Thứ hai, các Hội Thánh Tin Lành từ các hệ phái khác nhau có thể nắm bắt các điểm mạnh và điểm yếu của từng hệ phái thông qua sự phát triển lịch sử xã hội và tăng trưởng của Hội Thánh nhằm học hỏi và ứng dụng những điểm mạnh đó vào sự phát triển của mỗi Hội Thánh trong bối cảnh thế kỷ 21. Hội Thánh không hoàn hảo. Hội Thánh vẫn đang trong tiến trình học hỏi để trở nên người quản gia tốt và quy phục Chúa của họ, đồng thời giao thoa với bối cảnh văn hóa truyền thống và niềm tin tôn giáo của người Việt Nam.

Bài nghiên cứu bắt đầu bằng những cuộc phỏng vấn trực tiếp và sử dụng bảng câu hỏi đã được thiết kế. Cách tiếp cận mang tính hệ thống này nhằm thu thập và đánh giá thông tin từ những người lãnh đạo chủ chốt của ba hệ phái Tin Lành nổi bật giúp hình thành nên bức tranh tổng quan và chính xác liên quan đến chủ đề. Bài nghiên cứu cũng tham khảo các bài viết và các tác phẩm đã được xuất bản của các học giả và tác giả Tin Lành. Thêm vào đó, một số thông tin cũng được thu thập từ các bài báo và tin tức trên mạng liên quan đến chủ đề.

Lịch sử xã hội thông qua sự phát triển của Hội Thánh

1. Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam (SDAVN)

Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam (Seventh-Day Adventist Church of Vietnam - SDAVN) được hình thành từ khá sớm khoảng năm 1915 đến 1927. Khi đó Liên Hiệp hội Cơ Đốc Phục Lâm tại Malaysia đã gửi các giáo sĩ đi truyền giảng Phúc Âm và phân phát các tài liệu Cơ Đốc Phục Lâm tại khu vực Đông Nam Á. Nhà truyền giáo Tan Kia Ou từ Quảng Đông, Trung Quốc đã sang Việt Nam để truyền

giáo và thành lập trường Sabbath tại Sài Gòn - Chợ Lớn cho cộng đồng Hoa Kiều tại đó. Ông là nhà truyền giáo đầu tiên thành công trong việc chia sẻ Phúc Âm tại Việt Nam cho hệ phái mình. Năm 1927, Liên Hiệp hội Cơ Đốc Phục Lâm tại Malaysia đã mời gọi và gửi giáo sĩ R. H. Wentland cùng gia đình ông và Fred Lloyd Pickett đến Sài Gòn để triển khai mục vụ. Họ học tiếng Việt từ Jean Fabre, là giáo viên Pháp dạy tiếng Việt. Hai năm sau vào tháng 12 năm 1929, R. H. Wentland và Fred Lloyd Pickett chính thức thành lập Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm đầu tiên tại Sài Gòn. Từ năm 1928, cơ sở truyền giáo được chuyển tới Liên Hiệp hội Cơ Đốc Phục Lâm tại Malaysia với văn phòng chính đặt tại Singapore. Trong thời gian đó, Văn phòng Hội đồng Trung ương (General Council Office) cũng được thành lập tại Sài Gòn.

Giai đoạn từ năm 1929 đến 1941 là giai đoạn phát triển của Hội Thánh thông qua các công tác truyền giáo và truyền giảng, Phúc Âm được chia sẻ rộng rãi bởi cả những giáo sĩ người nước ngoài cũng như những người Việt Nam là các tín đồ đầu tiên của Cơ Đốc Phục Lâm tại Sài Gòn. Từ Sài Gòn, Phúc Âm được rao giảng ở khu vực Tây Nam Bộ, như: Cần Thơ, Long Xuyên và Ô Môn, cũng như khu vực Miền Trung: Đà Nẵng và Đại Lộc. Trong thời kỳ này, vào tháng 4 năm 1932, Chính phủ Pháp đã chia Việt Nam thành ba khu vực: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Với sự hỗ trợ của Liên Hiệp hội Cơ Đốc Phục Lâm tại Malaysia, Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm đã thành lập Hội đồng Trung ương đầu tiên vào tháng 3 năm 1937 tại Đà Nẵng, khi đó Fred Lloyd Pickett giữ vai trò Hội trưởng cùng với một số giáo sĩ và người Việt Nam là các nhân sự địa phương trong Hội đồng. Một năm sau, giáo sĩ R. H. Howlett đã thay thế vị trí Hội trưởng của Fred Lloyd Pickett. Trong thời kỳ này, các Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm phát triển mạnh mẽ ở khắp cả Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Các Hội Thánh được xây dựng tại Vàm Nhon, Đà Nẵng, Đức Mỹ, Đại Lộc, Hà Nội và Di Linh. Cùng lúc đó, các trường tiểu học cũng được xây dựng tại Vàm Nhon, Long Xuyên, Chợ Lớn và Đà Nẵng và một trung tâm y tế tại Cần Thơ. Trường Kinh Thánh Cơ Đốc Phục Lâm đầu tiên cũng được mở tại Gia Định, Sài Gòn và nhà in Thời Triệt cũng được thành lập cùng thời gian đó vào tháng 9 năm 1939.

Giai đoạn Thế chiến II từ năm 1942 đến năm 1946 đánh dấu thời kỳ khó khăn cho Hội đồng Trung ương và các Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm trên khắp Việt Nam. Quân đội Nhật chiếm đóng Malaysia và Singapore là nơi đặt các văn phòng chính nên thông tin liên lạc và hệ thống mạng lưới hoạt động giữa Việt Nam với hai quốc gia trên cũng như giữa các chi hội địa phương với Hội đồng Trung ương trong nước đều bị đóng băng. Trong thời kỳ này, Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm trải qua thời kỳ chuyển giao trong hàng ngũ lãnh đạo. Dù giáo sĩ người Pháp là Robert Bentz đã được bầu là Hội trưởng, nhưng Trần Ngọc Tế lại là người lãnh đạo các công tác của Giáo hội trong Hội đồng. Trong thời gian này, các hoạt động bị hạn chế trong phạm vi Sài Gòn - Chợ Lớn. Dù mất nhiều Hội Thánh, các giáo sĩ và một số lãnh đạo hội thánh, ủy ban y tế tại Hội đồng Trung ương tại Việt Nam vẫn có thể thành lập bệnh viện phụ sản với tên gọi Sản viện Kiện Khương tại Chợ Lớn năm 1942.

Giai đoạn từ năm 1947 đến năm 1954 đánh dấu sự độc lập của các quốc gia sau Thế chiến II. Sau Thế chiến II kết thúc, các Hội Thánh được phục hồi, các giáo sĩ được tiếp tục bổ nhiệm và sống cuộc sống bình thường. Đây là giai đoạn Liên Hiệp hội Cơ Đốc Phục Lâm tại Việt Nam tái thiết và phục dựng các Hội Thánh đã bị đốt và tàn phá trong chiến tranh, qui tụ lại các tín đồ, mua thêm những khu đất để xây dựng các tòa nhà mới và trụ sở cho công tác truyền giáo. Các khu đất được mua để xây nhà thờ trong giai đoạn 1948-1953 tại những địa điểm sau: Đà Lạt, Bàn Cờ tại Đà Lạt, Đa Kao và Sài Gòn, và tái thiết nhà thờ tại Đà Nẵng. Trong thời gian này, Trường Tiểu học Cơ Đốc được mở tại Gia Định, Phú Nhuận và Chợ Lớn. Trung tâm huấn luyện Cơ Đốc cũng được thành lập tại Phú Nhuận. Chương trình truyền giáo phát thanh với tên gọi “Tiếng nói Hy Vọng” (The Voice of Hope) được thành lập năm 1947. Đầu thập niên 50, các chương trình phát thanh được phát trên 10 kênh tại các thành phố lớn, như: Sài Gòn, Nha Trang, Đà Lạt, Đà Nẵng, Huế. “Tiếng nói Hy Vọng” gồm hai chương trình: Hàm Thụ Thánh Kinh và chương trình đàm thoại qua sóng phát thanh. Đầu thập niên 60, *Tiếng nói Hy Vọng* là chương trình rất thành công và nhận được nhiều phản hồi tích cực trên sóng phát thanh hàng tuần.

Giai đoạn 1954-1975 là giai đoạn Kháng chiến chống Mỹ³. Sau Hiệp định Genève ký kết vào năm 1954, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền, lấy mốc là “Khu Phi Quân Sự”⁴. Vì lý do đó, hệ phái Cơ Đốc Phục Lâm cũng bị chia cắt, các Hội Thánh ở phía Bắc bị cô lập với các Hội Thánh ở phía Nam. Sau năm 1954, hệ phái Cơ Đốc Phục Lâm ở Việt Nam được chính thức biết đến với tên gọi Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm An Thất Nhật tại Việt Nam, trở thành một phần của Liên hiệp Đông Nam Á trong cấu trúc toàn cầu của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm. Khi đó, Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm chỉ triển khai các công việc truyền giáo tại Miền Nam. Bệnh viện Cơ Đốc Phục Lâm đầu tiên với ba tầng lầu đã được mở ra tại ngã tư Phú Nhuận vào tháng 5 năm 1955. Một năm sau, vào năm 1956, Trường Đào tạo Y tá được mở để đào tạo các y tá cho bệnh viện. Vào năm 1983, tổ chức này được đổi tên thành Cơ quan Cứu trợ và Phát triển Cơ Đốc Phục Lâm (the Adventist Development and Relief Agency - ADRA)⁵ nhằm phản ánh tốt hơn các sứ mệnh và hoạt động của họ. Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam tiếp tục tập trung vào việc tu sửa các nhà thờ, trường tiểu học, cơ quan nhân đạo, nhà in, và đặc biệt là các trường thần học ở Miền Nam và Miền Trung vốn bị phá hủy trong thời kỳ này.

Sau Kháng chiến chống Mỹ, từ năm 1975 tới năm 1999, Việt Nam phải trải qua giai đoạn khủng hoảng trong nước và bị cô lập với cộng đồng quốc tế. Chính vì thế, hầu hết các mục sư và lãnh đạo Hội Thánh đều rời khỏi đất nước, khiến Hội đồng Trung ương và Giáo hội gặp nhiều khó khăn trong việc sinh tồn. Sau ngày thống nhất đất nước, các Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam đã kêu gọi và thống nhất trong việc thành lập nên Đại hội Đồng (General Assembly) để lựa chọn các thành viên cho Ban trị sự (Executive Board) nhằm tiếp tục các công tác truyền giáo tại Việt Nam, dù khi đó các Hội Thánh ở Miền Nam vẫn chưa thể thống nhất làm một với các Hội Thánh ở Miền Bắc. Chính vì vậy, trong thời kỳ này, từng Hội Thánh tự thiết lập chương trình và các hoạt động của mình, cũng như tổ chức các cuộc họp hội đồng tại khu vực. Trong khi đó, vẫn còn có các dự án xây dựng Hội Thánh chưa được hoàn thiện; các Hội Thánh bị tàn phá và phá hủy chưa được tu sửa hay tái thiết.

Thế kỷ 21 là sự khởi đầu mới cho Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm tại Việt Nam. Từ năm 2000 trở lại đây, Giáo hội đã phát triển và tăng trưởng mạnh mẽ trên cả nước. Các Hội Thánh được tái thiết và sửa chữa, như: Hội Thánh Vàm Nhơn, Hội Thánh Phú Nhuận (2007), Hội Thánh Cần Thơ (2005), Hội Thánh Sa Đéc và Hội Thánh Phước Bình. Trong thời kỳ này, mối đồng công giữa Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam và ADRA đã tìm đến và hỗ trợ cho các cộng đồng và người dân gặp khó khăn trên toàn quốc nhằm giúp họ cải thiện chất lượng cuộc sống. Năm lĩnh vực hoạt động nhân đạo của Giáo hội triển khai bao gồm: sức khỏe, giáo dục, ổn định đời sống, nước và vệ sinh, biến đổi khí hậu và quản lý tình trạng khẩn cấp.

Vào ngày 4 tháng 12 năm 2008, đại diện cho Thủ tướng, Ban Tôn giáo Chính phủ ra Nghị quyết số 235/QĐ-TGCP chính thức công nhận về mặt tổ chức của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam, với người đứng đầu là Mục sư Trần Công Tấn; Văn phòng chính tọa lạc tại số 224, Phan Đăng Lưu, Tp. Hồ Chí Minh. Tuyên ngôn sứ mệnh của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam trong thời kỳ mới là: “Thờ phượng Đức Chúa Trời Ba Ngôi hằng sống, Yêu người, Kính trọng Đức Chúa Trời, Yêu mến Ngài và phục vụ tổ quốc”.

Theo báo cáo thường niên năm 2014 của Hội Truyền giáo Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam trong cuộc họp cuối năm về hoạt động truyền giáo Liên hiệp Đông Nam Á (South East Asia Union Missions Year End Meeting), Mục sư Trần Thanh Truyền (Quyền Hội trưởng Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam đến cuối năm 2015) báo cáo rằng hiện tại Giáo hội có 15.000 tín đồ (thống kê năm 2014), đang sinh hoạt tại 15 Hội Thánh đã được Ban Tôn giáo Chính phủ chính thức công nhận; theo đó, 15 mục sư được bổ nhiệm, 150 nhóm nhỏ, 155 giáo sĩ, 7 nhân sự văn phòng và 49 giáo sĩ tình nguyện trên khắp Việt Nam. Vào tháng 10 năm 2014, một nhóm nhỏ ở đảo Phú Quốc cũng đã được chính quyền địa phương công nhận các hoạt động tôn giáo tại Hội Thánh. Giáo hội hiện đang xin phép chính quyền cho phép thờ phượng tại các tỉnh Điện Biên, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đắk Lắk và Đồng Tháp.

2. Hội Thánh Mennonite Việt Nam (VMC)

Hội Thánh Mennonite Việt Nam (Vietnam Mennonite Church - VMC) ra đời khi Ủy ban Trung ương Mennonite (Mennonite Central

Committee - MCC)⁶ lần đầu tiên đến Việt Nam ngay sau khi ký Thỏa thuận Genève vào tháng 7 năm 1954 khi Chiến tranh Đông Dương kết thúc với sự phân chia tạm thời Miền Bắc và Miền Nam ở vĩ tuyến 17. MCC đã đề nghị và cung cấp chương trình cứu trợ cho tất cả người dân Việt Nam bất kể họ thuộc tôn giáo, nhóm dân tộc hay hệ tư tưởng nào. Trong thời gian này, MCC đã đồng công và hợp tác chặt chẽ với Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Evangelical Church of Vietnam - ECVN) được thành lập năm 1911 từ tổ chức mẹ là Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp (Christian Missions Alliance - CMA). Vào đầu năm 1954, Thư ký điều hành của MCC, Orie. O. Miller, thực hiện một chương trình cứu trợ, cũng đã đến Sài Gòn để làm việc với Church World Services - CWS⁷ trong thời gian ngắn. Ngoài việc cộng tác với CWS trong các chương trình cứu trợ trong thời gian này, MCC cũng làm việc chặt chẽ với ủy ban cứu trợ của ECVN. Chương trình cứu trợ đầu tiên của MCC nhằm giúp những người dân Miền Bắc di cư vào Miền Nam qua việc cung cấp thực phẩm, quần áo, giường ngủ và màn chống muỗi.

Năm 1957, qua lời mời từ MCC và ECVN, Hội Truyền giáo Đông Mỹ (Eastern Mennonite Missions - EMM)⁸ đã gửi vợ chồng giáo sĩ Mennonite đầu tiên là James và Arlene Stauffer đến Sài Gòn vào tháng 5 năm 1957. Sau đó, tháng 11 năm 1957, giáo sĩ Everett và Margaret Metzler cũng qua và cùng đồng công với vợ chồng Stauffers tại Sài Gòn để thành lập Hội Truyền giáo Mennonite Việt Nam (Vietnam Mennonite Missions - VNMM). Các giáo sĩ Mennonite bắt đầu triển khai các công tác truyền giáo trong cộng đồng người Việt và không bao lâu sau đã có thanh niên người Việt đầu tiên tin nhận được làm Báp-tem bằng nước vào năm 1961. Năm 1960, văn phòng chính của Hội Truyền giáo Mennonite Việt Nam (VNMM) và Trung tâm Sinh viên Sài Gòn được thành lập trên con phố chính đối diện với Bệnh viện Bình Dân tại Sài Gòn. Tháng 9 năm 1964, Trung tâm Cộng đồng Gia Định (quận Bình Thạnh hiện nay) được thành lập với Khu Nhà trẻ nhưng sau phát triển thành Trường Tiểu học Rạng Đông⁹. Năm 1970, Trường Tiểu học Rạng Đông có 600 học sinh đăng ký các lớp học nửa ngày với chương trình học bổng giáo dục từ MCC, trường học đã chi trả học phí cho 150 học sinh.

Khu đất của Trung tâm Cộng đồng Gia Định tọa lạc tại góc Đồng Ông Cộ, khu vực nghĩa trang công cộng sau trở thành khu ổ chuột cho những người dân ngoại tỉnh chạy loạn chiến tranh. Tại đó có nhiều gia đình ly tán, cha mẹ đơn thân, những người vợ đã mất chồng trong chiến tranh trong khi những người khác bị bỏ rơi. Khu vực ổ chuột bắt đầu tràn ngập bệnh dịch và vi khuẩn bệnh lao. Chính vì vậy, Chương trình Gia Đình và Giáo Dục đã được ba phụ nữ Việt Nam thành lập và nhận được tài trợ từ MCC. Chương trình nhằm giúp các thanh niên từ các gia đình nghèo học tập cách buôn bán, sửa chữa xe máy, sửa chữa máy điều hòa và may quần áo. Chương trình vay vốn lập nghiệp cũng là một phần của chương trình tái thiết gia đình, đã giúp cho hàng trăm gia đình Việt Nam có việc làm và thu nhập sinh sống.

Cho tới năm 1974, cộng đồng Cơ Đốc đã được thành lập tại Trung tâm Sinh viên Sài Gòn, nhóm thiếu niên Cơ Đốc năng động tăng trưởng về mặt thuộc linh, tiếp tục đi làm chứng và truyền giáo trong suốt thời kỳ cách mạng năm 1975. Còn đối với Trung tâm Cộng đồng Gia Định, chỉ trong vòng vài tháng, Giáo hội Mennonite đã được thành lập, tại đó có các thiếu niên và người trưởng thành trở thành Cơ Đốc nhân và được làm Báp-tem. Không lâu sau đó, Trung tâm Sinh viên Sài Gòn trở thành một phần của Trung tâm Cộng đồng Gia Định. Các giáo sĩ VNMM và Giáo hội của Trung tâm Cộng đồng Gia Định bổ nhiệm ông Trần Xuân Quang làm mục sư vào tháng 3 năm 1969, cùng với hai phụ tá giúp đỡ mục vụ là Nguyễn Hữu Lâm (tốt nghiệp trường Kinh Thánh và là tín đồ của Hội Thánh Bình Thạnh) và Nguyễn Quang Trung (nhân sự của phòng đọc sách sinh viên từ năm 1965). Vào tháng 5 năm 1969, Trường Kinh Thánh được mở ra để dạy cho các tín đồ về Kinh Thánh cũng như các chủ đề Thần học.

Dù sự kiện Tết Mậu Thân năm 1968¹⁰ đã khiến cho các thành phố và nhà cửa bị phá hủy xung quanh Trung tâm Cộng đồng Gia Định, nhưng Giáo hội Mennonite Việt Nam vẫn được hình thành, phát triển và mở rộng. Chính vì vậy, Tổ chức Xã hội Tin Lành (Vietnam Christian Service - VNCS)¹¹ được thành lập vào năm 1966 để phát lương thực và quần áo cho hàng trăm người tị nạn và nạn nhân chiến tranh. Từ năm 1966 đến năm 1975, khi căng thẳng trong cuộc chiến tranh với Mỹ ngày càng tăng cao, VNCS mở rộng chương trình cứu

trợ tị nạn ra các tỉnh thành Miền Trung, như: Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Huế và khu vực Tây Nguyên. Sau Tết Mậu Thân năm 1968, cộng đồng Cơ Đốc tại Gia Định tiếp tục tăng trưởng về số lượng. Năm 1973, Hội Thánh trở thành Hội Thánh tự trị đầu tiên và lấy tên là Hội Thánh Tin Lành, Hệ phái Mennonite (Evangelical Church, Mennonite Denomination). Ban Chấp sự Hội Thánh gồm năm thành viên được thành lập nhằm quản lý giám sát sự phát triển của Hội Thánh.

Giai đoạn từ giữa năm 1975 tới năm 1986 là giai đoạn nhiều bất trắc. Vào tháng 4 năm 1975, tất cả các giáo sĩ và gia đình đã rời khỏi Việt Nam ngoại trừ bốn giáo sĩ MCC vẫn còn ở lại thành phố là Max Ediger, Yoshihiro Ichikawa, Earl Martin và James Klassen, là những người đã đến Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1969 tới năm 1973. Sau đó, giáo sĩ MCC cuối cùng rời đi vào tháng 10 năm 1976¹². Trong thời gian này, Mục sư Trần Xuân Quang là mục sư phụ trách Giáo hội Mennonite đã đến Bắc Mỹ để tham dự Hội nghị giáo sĩ EMM thường niên rồi bị kẹt lại ở Bắc Mỹ. Chính vì thế, toàn bộ Giáo hội Mennonite Việt Nam đã bầu chọn Mục sư Nguyễn Quang Trung trở thành mục sư phụ trách giáo hội, thay thế cho mục sư Quang. Ông Nguyễn Hữu Lâm được chọn làm phụ tá cho Mục sư Nguyễn Quang Trung. Cùng thời điểm đó, Trường Tiểu học Rạng Đông cũng bị đóng cửa, nhưng cộng đồng vẫn tiếp tục các chương trình và vận hành phòng khám. Vào tháng 10 năm 1975, Trường Tiểu học Rạng Đông được mở lại và trở thành trường công với hai cấp học - từ lớp 1 đến lớp 5 và cấp học từ lớp 6 đến lớp 12.

Giai đoạn từ năm 1986 đến 1999 là thời kỳ của hy vọng và những cơ hội. Năm 1986, Chính phủ Việt Nam bắt đầu triển khai nền kinh tế thị trường trong thời kỳ Đổi Mới¹³ trên toàn quốc, khiến nền kinh tế cũng như xã hội được phát triển. Năm 1988, Giáo hội Mennonite đã phát triển và phần lớn các tín đồ sống tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì Viện Kinh Thánh do ECVN thành lập tại Nha Trang bị đóng cửa năm 1976, nên các mục sư người nước ngoài chỉ có thể đến giảng dạy trong các hội thảo để trang bị cho các mục sư và các lãnh đạo Hội Thánh địa phương trong công tác mục vụ. Đầu năm 1998, Hội trưởng Hội Thông Công Mennonite Bắc Mỹ (North America Vietnamese Mennonite Fellowship - NAVMF)¹⁴, Mục sư

Phạm Hữu Nhiên tới thăm Việt Nam, gặp gỡ các lãnh đạo Hội Thánh và mời họ cùng cộng tác với NAVMF.

Từ năm 2000 tới nay đánh dấu sự phát triển và mở rộng của Giáo hội Mennonite Việt Nam. Mục sư Nguyễn Quang Trung (Hội Thánh Bình Thạnh) và Mục sư Nguyễn Hồng Quang (Hội Thánh quận 2) đã gặp gỡ, triệu tập đại hội của các Hội Thánh Mennonite tại Việt Nam. Tham dự đại hội có các đại biểu người Kinh cũng như các mục sư và lãnh đạo Hội Thánh người dân tộc thiểu số trên toàn quốc, cùng với một số lãnh đạo Mennonite quốc tế: đại diện từ NAVMF là Đặng Hồng Châu và Châu Văn Hòa và đại diện EMM là Luke Martin và Gerry Keener. Việc thành lập Giáo hội Mennonite Việt Nam được tuyên bố chính thức trong đại hội với ban lãnh đạo Giáo hội lâm thời: Mục sư Nguyễn Quang Trung được bầu làm Hội trưởng và Mục sư Nguyễn Hồng Quang làm Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký. Sau đại hội, các Hội Thánh thuộc Giáo hội Mennonite Việt Nam được sắp xếp và chia thành 6 địa hạt (geographical district): Địa hạt Tây, địa hạt Sài Gòn, địa hạt Đông Nam, địa hạt Cao Nguyên, địa hạt Trung, địa hạt Bắc. Khi Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (ECVN - Miền Nam) đăng ký hoạt động tôn giáo và được chính thức công nhận bởi Ban Tôn giáo Chính phủ vào năm 2001, Mục sư Trung nhận ra rằng việc đăng ký cho hệ phái mình là nhiệm vụ ưu tiên. Tuy nhiên, Mục sư Quang và các lãnh đạo tại Hội Thánh quận 2 muốn tập trung nhiều hơn vào các công tác mục vụ Hội Thánh. Điều này đã dẫn đến việc Ban điều hành Giáo hội tôn trọng quyền lợi của các lãnh đạo Hội Thánh quận 2 để đưa ra quyết định và tự nguyện tách khỏi Hội Thánh Bình Thạnh.

Vào tháng 7 năm 2004, Mục sư Trung được phong chức mục sư tại Hội nghị Mennonite Lancaster tại Philadelphia. Tháng 1 năm 2006, Giáo hội Mennonite Việt Nam thành lập Trung tâm Huấn luyện Mục vụ Mennonite đầu tiên, cung cấp khóa học thần học ba năm cho các mục sư, mục sư nhiệm chức và các nhà truyền giáo cho Hội Thánh Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, thành lập chương trình đào tạo thần học hai năm cho các nhân sự Hội Thánh tại một số khu vực: Hội Thánh Mennonite Cần Đức ở tỉnh Long An và Hội Thánh Mennonite Vĩnh Long tại khu vực Tây Nam Bộ. Hội Thánh

Mennonite Tân Hiệp tại tỉnh Đồng Nai ở khu vực Đông Nam Bộ, Hội Thánh Mennonite Minh An tại Hội An ở khu vực Miền Trung.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, ông Nguyễn Thế Doanh, trao Quyết định số 12/QĐ-TGCP xác nhận Hội Thánh Mennonite Việt Nam được lãnh đạo bởi Mục sư Nguyễn Quang Trung, Hội trưởng Hội Thánh Mennonite Việt Nam, với văn phòng chính tọa lạc tại 67/107 Bùi Đình Túy, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, là tổ chức tôn giáo hợp pháp. Tuyên ngôn sứ mệnh của Hội Thánh Mennonite Việt Nam trong thời kỳ mới là: “Thờ phượng Đức Chúa Trời Ba Ngôi, yêu thương mọi người như Chúa dạy trong Kinh Thánh, sống đạo, phục vụ Chúa và Tổ quốc và sống trong lòng dân tộc”. Tháng 7 năm 2009, Đại Hội đồng Mennonite Thế giới lần thứ 15 diễn ra tại Paraguay đã chấp thuận Hội Thánh Mennonite Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Đại hội.

Như báo cáo vào tháng 7 năm 2015 tại Hội Đồng Mennonite Thế giới năm 2015, hiện tại Hội Thánh Mennonite Việt Nam có 6.200 tín đồ (khoảng 5.000 người thuộc các nhóm sắc tộc thiểu số); gồm 64 mục sư và mục sư nhiệm chức; và 93 nhóm nhỏ. Hiện tại, VMC đã có năm cơ sở thờ phượng hợp pháp với một chi nhánh được đăng ký là Hội Thánh Bình Thạnh và trụ sở chính của Hội Thánh. Giáo hội Mennonite Việt Nam cũng đã thiết lập và mở rộng các mục vụ cộng đồng, như: mục vụ sinh viên, mục vụ người khuyết tật, mục vụ nghèo đói và phúc lợi, chăm sóc y tế và mục vụ cứu trợ khẩn cấp.

3. Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân Điển - Nam Phương)

Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Vietnam Baptist Convention - VBC), còn được gọi là Ân Điển-Nam Phương, được hình thành trong giai đoạn từ tháng 11 năm 1959 tới tháng 11 năm 1962 khi các giáo sĩ Báp-tít Nam Phương từ Mỹ đến Việt Nam. Herman và Dottie Hayes là những giáo sĩ Liên Hữu Báp-tít Phương Nam (Southern Baptist Convention - SBC)¹⁵ từ Ban Quản trị Truyền giáo Hải ngoại¹⁶ đến Sài Gòn vào tháng 11 năm 1959 (thành phố đầu tiên nơi họ bắt đầu công tác truyền giáo). Vào tháng 2 năm 1960, họ thành lập nhóm thông công và dạy Kinh Thánh bằng tiếng Anh cho các quân nhân Mỹ, nhân viên cứu trợ và người Việt Nam quan tâm tới đạo Tin Lành. Tháng 3 năm 1960, vợ chồng giáo sĩ Báp-tít là Bill và Audrey Roberson đến

Sài Gòn và mở cửa căn nhà rộng rãi của mình để thành nơi nhóm họp tại số 217, phố Công Lý (giờ là Nguyễn Văn Trỗi). Vợ chồng Roberson mở các lớp dạy tiếng Anh cho người Việt và tổ chức buổi nhóm thờ phượng vào các buổi chiều Chủ nhật. Vào tháng 8 cùng năm, Lewis và Tony Myers đến Việt Nam và định cư tại Đà Lạt. Đây là thành phố thứ hai mà hệ phái Báp-tít triển khai công tác truyền giáo. Tháng 4 năm 1961, ngôi nhà của vợ chồng Roberson trở thành điểm nhóm họp và triển khai hoạt động của nhóm Báp-tít Việt Nam cũng như cho Hội Thánh người Mỹ tại Sài Gòn có tên gọi là Nhà nguyện Báp-tít Sài Gòn. Cùng thời gian đó, ông Lê Quốc Chánh tin nhận Chúa Jesus, và sau này đã trở thành mục sư người Việt đầu tiên được tấn phong để triển khai mục vụ tại Việt Nam. Tháng 7 cùng năm, Nhà xuất bản Mục vụ Báp-tít được thành lập, Lewis Myers trở thành giám đốc đầu tiên của Báo Báp-tít. Đầu tháng 3 năm 1962, lễ Báp-tem bằng nước đầu tiên được Herman Hayes tiến hành cho 17 tín đồ Báp-tít đầu tiên tại Việt Nam. Tháng 4 năm 1962, Bill và Audrey Roberson chuyển từ Sài Gòn đến Nha Trang, đánh dấu thành phố thứ ba có sự có mặt của các giáo sĩ Báp-tít. Và như vậy, ngôi nhà tại số 217, phố Công Lý tại Sài Gòn trở thành Hội Thánh Báp-tít đầu tiên tại Việt Nam. Hội Thánh Báp-tít là trung tâm được sử dụng bởi cả Hội Thánh người Mỹ và người Việt. Tháng 6 cùng năm, Ban Quản trị giáo sĩ Báp-tít thuê lại tòa nhà bốn tầng tại phố Gia Long (giờ là Lý Tự Trọng), gần chợ Sài Gòn (chợ Bến Thành hiện nay) để làm văn phòng truyền giáo. Vào ngày 18 tháng 11 năm 1962, Hội Thánh Báp-tít Ân Điển chính thức được thành lập tại phố Công Lý ở Sài Gòn với 33 tín đồ. Herman Hayes giữ vị trí mục sư điều hành đầu tiên tại Hội Thánh Báp-tít Ân Điển. Trước đó, Hội Thánh Báp-tít Calvary ở Bangkok là “Hội Thánh mẹ”, chịu trách nhiệm đối với nhóm tín đồ Báp-tít cho tới khi Hội Thánh được thành lập tại Sài Gòn.

Giai đoạn từ năm 1963 tới năm 1975 đánh dấu sự tăng trưởng và phát triển mục vụ của hệ phái Báp-tít. Tháng 5 năm 1964, chương trình thần học Báp-tít được mở ra cho các tín đồ Báp-tít người Việt được chọn để lo mục vụ. Có 7 người đăng ký chương trình thần học này, bao gồm: Lê Quốc Chánh, Đỗ Vĩnh Thành, Đỗ Lâm Quế, Lê Quốc Trung, Nguyễn Sơn, Lê Văn Hòa và Bùi Đức Anh Tuấn. Những người này vừa học thần học, vừa triển khai mục vụ tại nhiều khu vực

khác nhau. Tháng 4 năm 1965, Nhà nguyện Báp-tít Sài Gòn trở thành Hội Thánh tự trị với tên gọi Hội Thánh Báp-tít Ba Ngôi, tiến hành các lễ thờ phượng bằng tiếng Anh tại ngôi nhà số 217, phố Công Lý. Mục sư Sam Longbottom trở thành mục sư trưởng đầu tiên. Ông cũng phục vụ với tư cách là Thủ quỹ và Quản lý truyền giáo trong Ban Quản trị truyền giáo Báp-tít. Tháng 8 năm 1965, Lewis Myers và gia đình chuyển tới Đà Nẵng, đây là thành phố thứ tư có hoạt động truyền giáo của hệ phái Báp-tít. Tháng 4 năm 1966, vợ chồng giáo sĩ Ronald và Margaret Fuller đang phục vụ tại Trung Quốc đã chuyển đến Việt Nam để truyền giáo cho cộng đồng người Hoa tại Chợ Lớn, Sài Gòn. Hai năm sau, năm 1968, Hội Thánh Báp-tít người Hoa đầu tiên được thành lập với tên gọi là Hội Thánh Báp-tít Bình Tiên. Tháng 7 năm 1966, Hội Thánh Báp-tít Ân Điển được chính thức công nhận là tổ chức tôn giáo hợp pháp và được quyền mua và sở hữu đất để xây nhà thờ. Khi đó vào tháng 8 năm 1966, vợ chồng giáo sĩ Jim và Mary Humphries cùng với ba người con đến Sài Gòn, trở thành mục sư trưởng nói tiếng Anh đầu tiên cho Hội Thánh Báp-tít Ba Ngôi, để đáp ứng cho số lượng quân nhân, nhân viên đại sứ quán, sĩ quan người Mỹ và số lượng người nói tiếng Anh trong cộng đồng ngày càng tăng.

Vào tháng 9 năm 1967, Viện Thần học Báp-tít Việt Nam được thành lập tại Thủ Đức ở khu vực phía Bắc Sài Gòn. Sam James là giám đốc học viện và Học viện có chương trình với tên gọi “Chương trình Ở và Học” để hỗ trợ các sinh viên thần học trọn thời gian. Tháng Mười cùng năm, Dịch vụ cộng đồng Báp-tít Tin Lành được giáo sĩ Rachel James - là y tá chuyên nghiệp, cùng với đại úy Leo Record - bác sĩ quân đội đến từ Bắc Carolina, thành lập. Các buổi khám chữa bệnh được tổ chức mỗi tuần một lần tại các nhà nguyện và nhà thờ xung quanh khu vực Sài Gòn. Tháng 5 năm 1968, hai mục sư Báp-tít người Việt đầu tiên được tấn phong để phục vụ tại các Hội Thánh địa phương là: Lê Quốc Chánh tại Hội Thánh Phú Thọ Hóa và Đỗ Vĩnh Thành tại Hội Thánh Báp-tít Đức Tin tại phố Ngô Tùng Châu, quận Gò Vấp (giờ là Nguyễn Văn Đậu, quận Bình Thạnh). Tháng 4 năm 1969, sách Thánh ca Báp-tít đầu tiên được biên soạn và hoàn thiện bởi Betty Merrell với sự hỗ trợ của Trần Bửu Đức. Hai tháng sau, vào tháng 6 năm 1969, Hội Thánh Báp-tít Ân Điển mua lại ngôi nhà ở số 209, đường Cách Mạng (giờ là Nguyễn Văn Trỗi), quận Phú Nhuận để

nâng cấp và sử dụng làm nhà thờ. Tiền mua nhà và chi phí nâng cấp được tài trợ từ Ban Quản trị truyền giáo Hải Ngoại (giờ là Ban Quản trị truyền giáo Quốc tế) và các tín đồ Báp-tít trung tín. Trong thời gian đó, hệ phái Báp-tít mở rộng công tác truyền giáo ra thành phố Cần Thơ do Herman và Dottie Hayes phụ trách. Công tác tại Cần Thơ đã được mở rộng ra khắp khu vực Tây Nam Bộ. Cũng trong thời gian đó, Viện Thần học Báp-tít Việt Nam mua lại mảnh đất để làm trung tâm thần học tại đường Nguyễn Văn Trương, Gia Định. Vào tháng 7 năm 1969, công tác truyền giáo được mở rộng ra thành phố thứ sáu là Quy Nhơn. Vợ chồng giáo sĩ Bob và Priscilla Compther được cử đến đó để phục vụ tại khu vực tái định cư của người tị nạn. Cuối năm 1969, chương trình mục vụ qua phương tiện truyền thông được tiến hành bởi Peyton Moore. Phòng thu thanh nhỏ vốn được xây tại nhà của ông giờ được chuyển đến khuôn viên của Viện Thần học Báp-tít Việt Nam.

Tháng 1 năm 1970, Viện Thần học Báp-tít Việt Nam mở trung tâm huấn luyện giáo viên cho các giáo viên và trường mầm non. Olive Allen, là giáo sĩ từng phục vụ tại Thái Lan, trở thành giám sát viên để điều hành và triển khai chương trình huấn luyện giáo viên này. Viện Thần học đã tài trợ cho chương trình nhằm huấn luyện các giáo viên chăm sóc cho các em bị di chứng chiến tranh. Vào tháng 2 năm 1970, Mục sư Lê Quốc Chánh trở thành mục sư trưởng của Hội Thánh Báp-tít Ân Điển tại Sài Gòn. Tháng 4 năm 1970, Peyton Moore khởi xướng chương trình phát thanh với tên gọi “Giờ Báp-tít” và cung cấp khóa học Kinh Thánh từ xa với hơn 5.000 người đăng ký để học Kinh Thánh qua đài phát thanh. Cùng tháng đó, Hội đồng Báp-tít toàn quốc đầu tiên được tổ chức tại thành phố Đà Lạt với sự tham gia của hàng trăm đại biểu đến từ các Hội Thánh Báp-tít và các nhóm nhỏ.

Giai đoạn năm năm từ 1970 đến 1975 là cơ hội để tiếp tục mở rộng thêm công tác truyền giáo, trung tâm thần học đã được mở rộng và thành lập tại: Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Nha Trang, Cam Ranh, Đà Lạt và Cần Thơ, với Sài Gòn là trụ sở chính của hệ phái Báp-tít. Tháng 6 năm 1970, Huế trở thành thành phố thứ bảy có công tác truyền giáo của Báp-tít thông qua Bob và Ida Davis. Tháng Mười cùng năm, Quầy sách Báp-tít đầu tiên được mở tại đường Nguyễn Huệ, quận 1, Sài Gòn. Tháng đầu năm 1971, David và

Barbara Wigger là vợ chồng giáo sĩ Báp-tít đầu tiên làm việc trong cộng đồng sinh viên Việt Nam. Vào tháng 1 năm 1972, các giáo sĩ Báp-tít là Gene và Priscilla Tunnell đến Việt Nam, khi đó Gene Tunnell trở thành giám đốc của Dịch vụ cộng đồng Tin Lành Báp-tít, còn Priscilla thay thế Olive Allen trở thành giám sát viên cho trung tâm huấn luyện giáo viên mầm non tại Viện Thần học Báp-tít Việt Nam. Vào tháng 12, Ban Quản trị truyền giáo Báp-tít khánh thành tòa văn phòng mới tọa lạc tại số 111, Chi Lăng, Gia Định. Vào tháng 3 năm 1974, Peyton Moore khởi xướng chương trình truyền giáo đi động với chiếc băng ghi “Giờ Báp-tít” được gắn trên xe ô tô đi khắp khu vực Tây Nam Bộ để gặp gỡ và thảo luận với những học viên đã ghi danh vào các khóa học Kinh Thánh từ xa thông qua chương trình phát thanh. Tất cả các công tác truyền giáo đều giúp hệ phái Báp-tít được phát triển mạnh mẽ cho tới cuối tháng Tư năm 1975 khi cuộc Kháng chiến chống Mỹ kết thúc và Sài Gòn được đổi tên thành “Thành phố Hồ Chí Minh”. Trong giai đoạn này, chương trình thần học tại Viện Thần học Báp-tít Việt Nam bị tạm ngưng, các sinh viên thần học được khuyến khích tham gia vào các hoạt động cứu trợ tình nguyện để giúp đỡ hàng ngàn người sơ tán vào Thành phố Hồ Chí Minh. Với sự hỗ trợ từ Ban Quản trị truyền giáo Hải ngoại, thực phẩm được cung cấp đến nhiều địa phương. Cùng thời gian đó, tất cả các giáo sĩ nước ngoài và gia đình của họ đều rời khỏi Việt Nam.

Từ giai đoạn 1975-1999 đánh dấu thời kỳ với nhiều trắc trở, nhưng Hội Thánh Báp-tít Ân Điển tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tồn tại và giữ vững niềm tin cũng như phát triển trong cả hai khía cạnh thuộc linh và số lượng tín hữu. Trong những năm 1990 trở về đây, có một vài nhóm tín đồ tin Chúa trước năm 1975 đã tập hợp lại, kết hợp với Hội Thánh Báp-tít Ân Điển để thông công và đồng công trong công tác huấn luyện mục vụ.

Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2009 mở ra nhiều cơ hội và sự ghi nhận từ cả phía chính quyền và cộng đồng Tin Lành. Tháng 3 năm 2003, nhóm tín đồ Báp-tít tại Đức Trọng, Lâm Đồng chính thức trở thành Hội Thánh, với tên gọi Hội Thánh Báp-tít Bình An, Mục sư Ngô Thanh Hùng làm mục sư trưởng. Tháng 11 năm 2005, Hội Thánh Báp-tít Ân Điển tổ chức đại hội toàn quốc, với sự có mặt của tất cả

các đại biểu đến từ các nhóm Hội Thánh Báp-tít để thành lập Ban Chấp hành cho Liên Hữu Báp-tít Việt Nam. Tham dự hội đồng toàn quốc có các đại biểu thuộc Liên Hữu Báp-tít Nam Phương đến từ Hoa Kỳ. Tháng 5 năm 2006, Hội Thánh Báp-tít Ân Điển trải qua giai đoạn chuyển giao khi tòa văn phòng nằm trong khu quy hoạch giải tỏa để xây đường cao tốc. Sau 18 tháng xây dựng, tòa cao ốc với cây thập tự trên đỉnh đã được khánh thành vào ngày 18 tháng 11 năm 2007.

Ngày 24 tháng 5 năm 2008, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, ông Nguyễn Thế Doanh, trao Quyết Định số 109/QĐ-TGCP công nhận Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân Điển-Nam Phương) do Mục sư Lê Quốc Chánh lãnh đạo là hội trưởng, văn phòng chính tọa lạc tại số 161, Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, là tổ chức tôn giáo hợp pháp. Tuyên ngôn sứ mệnh của hệ phái trong thời đại mới là: “Tôn thờ Đức chúa Trời Ba Ngôi, yêu thương mọi người, gắn bó với dân tộc, đoàn kết xây dựng đất nước giàu mạnh.”

Kể từ năm 1968, Ban Trị sự Báp-tít chính thức lần thứ hai được tổ chức vào ngày 16 tháng 11 năm 2008 tại trụ sở chính của Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân Điển-Nam Phương). Bốn vị mục sư được tấn phong là: Mục sư Kato Biển, mục sư trưởng của Hội Thánh Báp-tít Hy Vọng, Thuận Bắc, Ninh Thuận; Mục sư Lê Quốc Huy, mục sư phụ tá của Hội Thánh Báp-tít Ân Điển, Tp. Hồ Chí Minh - *Hiện tại, ông là mục sư trưởng của Hội Thánh*; Mục sư Ngô Thanh Hưng, mục sư trưởng của Hội Thánh Báp-tít Bình An, Đức Trọng, Lâm Đồng và cuối cùng là Mục sư Trần Ngọc Út, mục sư trưởng của Hội Thánh Báp-tít Phước Thiên, Cờ Đỏ, Cần Thơ. Vào ngày 15 tháng 11 năm 2009, Liên hữu Báp-tít Việt Nam vui mừng kỷ niệm 50 năm ngày các giáo sĩ từ Ban Quản trị truyền giáo Quốc tế và Liên hữu Báp-tít Phương Nam Hoa Kỳ tới Việt Nam để truyền giáo. Tham dự sự kiện có các tín đồ Báp-tít Việt Nam, các cựu giáo sĩ và khách mời từ Hoa Kỳ và Campuchia - ước lượng có khoảng 725 người tham dự, bao gồm cả các quan khách Chính phủ.

Kể từ năm 2010 tới nay là giai đoạn ổn định và phát triển liên tiếp của hệ phái Liên hữu Báp-tít Việt Nam tại Việt nam. Mục tiêu chính của Liên hữu là thành lập các Hội Thánh mới, môn đồ hóa tín đồ, huấn luyện nhân sự, phát triển lãnh đạo, xuất bản tài liệu và đáp ứng

nhu cầu của người dân thông qua các hoạt động cộng đồng. Ngày nay, Tổng Hội Báp-tít Việt Nam (Ân Điển-Nam Phương) có hơn 70 Hội Thánh hay Hội Thánh tư gia (nhóm nhỏ) tại các thành phố và tỉnh thành trên khắp cả nước, với 5.500 tín đồ trung tín. Rất nhiều trong số đó là kết quả của các Hội Thánh phát triển được tách ra hoặc được trực tiếp thành lập bởi Hội Thánh Báp-tít Ân Điển.

Một số nhận xét

Lịch sử tồn tại của đạo Tin Lành ở Việt Nam ngày nay nợ những nhà kiến tạo lịch sử thầm lặng, các giáo sĩ đến từ khắp bốn châu lục như Châu Âu, Bắc Mỹ, Châu Á và Châu Đại Dương. Kể từ ngày các hệ phái bắt đầu công tác truyền giáo tại Việt Nam, họ cũng tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau, như cung cấp chương trình cứu trợ nhân đạo, dịch vụ cộng đồng, chăm sóc y tế và sức khỏe, hỗ trợ giáo dục, đào tạo nghề và nhiều các lĩnh vực khác nhằm giúp xây dựng đời sống của người Việt.

Chính vì vậy, mỗi tín đồ Tin Lành đều tin vào giáo lý thần học, trong tiếng Latinh là *“Missio Dei,”* thể hiện niềm tin vào sứ mệnh của Thiên Chúa, và tín đồ Tin Lành tin rằng họ là công cụ của Chúa trong sứ mệnh đó; và sứ mệnh đó là mục đích và hành động của Đức Chúa Trời. Câu nói nổi tiếng về thần học này được đưa ra bởi David Bosch, người Nam Phi, là giáo sư nổi tiếng về Thần học sứ mệnh Cơ Đốc:

“Sứ mệnh được hiểu là bắt nguồn từ bản chất của Đức Chúa Trời. Được đặt trong bối cảnh Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Đức Chúa Cha, Đức Chúa Giê-xu và Đức Chúa Thánh Linh), không phải xuất phát từ thần học Giáo hội hay thần học khoa học. Giáo lý cổ điển về ‘Mission Dei’ là Đức Chúa Cha, sai Đức Chúa Con (Chúa Jesus); và Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con sai Thánh Linh (Đức Chúa Thánh Linh) được mở rộng để đưa thêm một “phong trào” khác: Đức Chúa Cha, Con và Thánh Linh gửi Hội Thánh vào thế gian”.

Thần học sứ mệnh *Missio Dei* cần phải được hiểu rõ ràng. Thay vì chỉ tay vào *“ai ảnh hưởng đến ai”* hay *“ai tác động đến ai,”* và điều đạo Tin Lành đã làm không thành đối với văn hóa truyền thống và tôn giáo Việt Nam, thì cần phải có nhận thức sâu sắc thông qua việc nghiên cứu các văn bản cổ, khi diễn giải mang tính khoa học về Kinh

Thánh nằm trong sách Kinh Thánh đạo Tin Lành¹⁷, để làm rõ động cơ của các hoạt động của các hệ phái Tin Lành. Nếu không có các nghiên cứu văn bản cổ, việc nhận biết sức ảnh hưởng của đạo Tin Lành tới văn hóa truyền thống và tôn giáo của người Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn.

Thêm vào đó, một tuyên bố khách quan đã nhận định rằng, để phản hồi với quan điểm cho rằng các hoạt động *truyền giáo* thiện nguyện (*các hoạt động nhân đạo và cứu trợ, dịch vụ công cho cộng đồng, chăm sóc y tế và sức khỏe, và các hoạt động văn hóa-xã hội*) được triển khai bởi các cá nhân và tổ chức/hệ phái Tin Lành thường bị hiểu lầm để chiêu dụ người chưa tin vào đạo, nên các tổ chức Tin Lành cần đưa ra các điều chỉnh hợp lý để tránh hiểu lầm về động cơ của các hoạt động. Qua công tác giáo dục nội bộ, các tổ chức/hệ phái Tin Lành được khuyến khích giúp các nhân sự xác định rõ ràng động cơ của hoạt động thiện nguyện là để bày tỏ tình yêu thương của Đức Chúa Trời dành cho mình. Các hoạt động thiện nguyện là sự cho đi vô điều kiện và đối tượng tiếp nhận không bị ràng buộc bởi bất cứ đòi hỏi nào không liên quan đến bản chất của hoạt động (Lê Quốc Huy, 2011, tr. 112).

Tổng Thư ký của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam (*hiện tại là Quyền Hội trưởng Giáo hội kể từ cuối năm 2015*), Mục sư Trần Thanh Truyền, đã đề cập rằng Giáo hội chỉ tìm kiếm cơ hội để chia sẻ tình yêu của Đức Chúa Trời trong cộng đồng bị bỏ rơi và những người khuyết tật thông qua tổ chức nhân đạo ADRA và các tổ chức thiện nguyện khác trên khắp Việt Nam - vì trong Luke 6: 20-21 đã viết: “Bấy giờ Ngài ngược mắt nhìn các môn đồ và nói: “Phước cho các người, những người nghèo khó, vì vương quốc Đức Chúa Trời là của các người. Phước cho các người, những người bây giờ đang đói, vì các người sẽ được no nê. Phước cho các người, những người bây giờ đang khóc, vì các người sẽ được vui cười”¹⁸. Mục sư Nguyễn Quang Trung, Hội trưởng Hội Thánh Mennonite Việt Nam, cho rằng hệ phái tập trung vào Hòa Bình, vì trong sách Matthew 5: 9 nêu “Phước cho những ai đem lại hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Đức Chúa Trời”¹⁹. Các tín đồ Tin Lành Mennonite tin vào bốn giá trị cốt lõi cơ bản: mối liên hệ hòa bình với Đức Chúa Trời, Bản Thân, Nhân Loại và Thiên Nhiên, những điều này ràng buộc lẫn nhau, và cần phải có sự hòa giải

với Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa. Chính vì vậy, các tín đồ Mennonite tin vào hành động phục vụ đối với Chúa mà không kể đến sắc tộc, ngôn ngữ, sự khác biệt tôn giáo, đặc biệt trong các hoạt động cứu trợ nhân đạo trong nước. Trong khi đó, Hội trường Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân Điển-Nam Phương), Mục sư Lê Quốc Huy, chia sẻ tuyên ngôn sứ mệnh của hệ phái được đặt nền tảng trên Matthew 28: 18-20: “Bằng cách chia sẻ Phúc Âm, môn đồ hóa tín đồ, Báp-têm cho họ trong danh Chúa Jesus ở khắp mọi thành phố, làng mạc, trên toàn lãnh thổ của đất nước”.

Kể từ sau khi có những thay đổi về kinh tế và chính trị trong thời kỳ Đổi Mới - được triển khai từ năm 1986, Việt Nam đã tăng trưởng nhanh chóng về mặt kinh tế và phát triển, biến đổi từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp. Trong thiên niên kỷ mới, Việt Nam là quốc gia hội nhập trong tiến trình xây dựng kinh tế thông qua việc liên kết với nền kinh tế toàn cầu, và chính bởi vậy cũng tạo đà cho sự biến đổi về mặt tôn giáo trong đất nước - bởi lẽ sự bình ổn về chính trị, phát triển về kinh tế và tự do về tôn giáo luôn gắn kết chặt chẽ với nhau. Trong một bài tham luận, tác giả Bùi Bảy (2011) trích dẫn câu nói của Thủ tướng Lý Quang Diệu như sau:

“Nếu các bạn nhìn vào các quốc gia phát triển nhanh chóng như Hàn Quốc, Singapore, Hong Kong, Thái Lan, các quốc gia này đều có chung hiện tượng nổi bật: sự gia tăng của các vấn đề tôn giáo. Các phong tục và tập quán truyền thống cũ như thờ cúng tổ tiên, và Shamman giáo không còn làm thỏa mãn người dân nữa. Họ cần lời giải thích sâu sắc hơn về mục đích sự tồn tại của loài người, và về lý do vì sao chúng ta có mặt ở đây?”

Tuy nhiên, thông qua sự phát triển lịch sử của ba hệ phái Tin Lành nổi bật đã chứng minh một cách rõ ràng về sự tận hiến cuộc đời, tình yêu và sự phục vụ của họ đối với Tổ quốc và đối với Đức Chúa Trời. Lời tri ân muốn đề cập ở đây là họ đã phải trả một giá rất cao, đã hiến dâng để làm việc và phục vụ trong khu vực chiến tranh. Có những người thậm chí đã bỏ mạng trong thời chiến. Các giáo sĩ và tổ chức (hệ phái) của họ đã có những tài trợ tài chính ước tính đến hàng triệu Mỹ kim để giúp đỡ và mang lại sự bình an cho những người dân Việt

Nam phải chịu cảnh tàn phá của chiến tranh (Phan Đình Nhẫn, 2010, tr. 6).

Ngày nay, tất cả các tín đồ Tin Lành ở Việt Nam đều chia sẻ chung một niềm tin “*sống Phúc Âm, Phục vụ Chúa và Tổ quốc*” như một phương châm hành động, là phương cách để tôn vinh Thiên Chúa trên mảnh đất Việt Nam (Nguyễn Xuân Hùng, 2011, tr. 104)./.

CHÚ THÍCH:

- 1 https://en.m.wikipedia.org/wiki/Protestantism_in_Vietnam.
- 2 Các tôn giáo chính tại Việt Nam (năm 2014) - Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, “Press Statement on the visit to the Socialist Republic of Viet Nam by the Special Rapporteur on freedom of religion or belief” (Báo mạng, ngày 31/7/2014, Hà Nội).
- 3 Kháng chiến chống Mỹ xảy ra tại Việt nam, Lào và Campuchia từ ngày 1 tháng 11 năm 1955 đến sự sụp đổ của Sài Gòn vào ngày 30/4/1975.
- 4 https://en.m.wikipedia.org/wiki/Vietnamese_Demilitarized_Zone.
- 5 ADRA (Cơ quan Phát triển và Cứu trợ Cơ Đốc Phục Lâm) là một tổ chức nhân đạo toàn cầu của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm. Thông qua mạng lưới quốc tế, ADRA cung cấp cứu trợ và hỗ trợ phát triển cho các cá nhân ở hơn 130 quốc gia - không phân biệt sắc tộc, quan điểm chính trị hay nhóm tôn giáo nào. Bằng cách cộng tác với các cộng đồng, các tổ chức, và các chính phủ, ADRA phục vụ người dân không phân biệt tôn giáo, dân tộc, chính trị. Ưu tiên dành cho người khuyết tật, trẻ em và người già. Các lĩnh vực chuyên môn của ADRA bao gồm: Giáo dục, Chương trình khẩn cấp, Thực phẩm/Dinh dưỡng, HIV/AIDS, Y tế, Người tị nạn và di cư trong nước (IDPs), nơi ở, Đào tạo và phát triển, Nước và vệ sinh, phụ nữ, trẻ em, Giám sát và đánh giá, Quản lý chương trình, và an ninh.
- 6 Ủy ban Trung ương Mennonite (MCC) là cơ quan cứu trợ, phục vụ và hòa bình đại diện cho mười lăm nhóm *Mennonite, Brethren in Christ and Amish* ở Bắc Mỹ. Trụ sở ở Hoa Kỳ đặt tại Akron, Pennsylvania, trụ sở ở Canada đặt tại Winnipeg, Manitoba.
- 7 Church World Service (CWS) được thành lập vào năm 1946 và là sự hợp tác của 37 hệ phái và cộng đồng Tin Lành, cung cấp sự tự lực bền vững, phát triển, cứu trợ thiên tai và trợ giúp tị nạn trên khắp thế giới. Nhiệm vụ của CWS là xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy hòa bình và công lý ở cấp quốc gia và quốc tế thông qua sự hợp tác với các đối tác ở nước ngoài và ở Mỹ.
- 8 Hội Truyền giáo Đông Mỹ (EMM), sau này đổi tên là Đoàn Truyền giáo và Cứu tế Mennonite Đông Phương (the Eastern Mennonite Board of Missions and Charities), là cơ quan truyền giáo được tài trợ chủ yếu bởi các giáo hội tại Hội nghị Lancaster Mennonite, là hội nghị khu vực thuộc Giáo hội Mennonite Hoa Kỳ.
- 9 Trường Tiểu học Rạng Đông - được thành lập bởi VNMM tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1966, nơi có Trung tâm Cộng đồng Gia Định. Hiện nay, Trường Tiểu học Rạng Đông thuộc quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam.

- 10 https://en.wikipedia.org/wiki/1968_in_the_Vietnam_War.
- 11 Năm 1965, MCC gia nhập Church World Service và Lutheran World Relief để thành lập Vietnam Christian Service (VNCS), một chương trình chung do MCC quản lý theo yêu cầu. Công việc của MCC đã tăng lên khi tình hình chính sự gia tăng và sự cô thủ của Hoa Kỳ. Theo sự quản lý của VNCS, chương trình chuyển sang phát triển cộng đồng với một loạt các dịch vụ xã hội. Việc sử dụng quân đội để vận chuyển và bảo vệ công trình ở các tỉnh gây ra mối quan ngại liên tục, tạo ra các cuộc thảo luận lặp lại với Hoa Kỳ và các quan chức Việt Nam để duy trì lập trường hòa giải trong cuộc xung đột dân sự. Sau 7 năm, MCC rời khỏi VNCS để hoạt động gần bó hơn với các mục đích riêng của nó và tập trung hơn vào những người gặp khó khăn. Tới năm 1974, mục tiêu chính của tổ chức nhằm tới hòa bình và hòa giải.
- 12 Lawrence Journal World, *Missionaries In Vietnam Alive And Well (Mennonite - Newspaper Article - Tài liệu trên mạng)*, 02/5/1975.
- 13 https://en.m.wikipedia.org/wiki/Doi_Moi.
- 14 Sau năm 1975, có hàng trăm người Việt, đặc biệt là từ Miền Nam Việt Nam di tản, và trong những năm 1980 có cuộc ra đi của “thuyền nhân”, nhiều Giáo hội Mennonite Việt Nam được thành lập ở Canada và Hoa Kỳ. Các Hội Thánh Mennonite Việt Nam được thành lập với tên gọi Hội Thông Công Mennonite Bắc Mỹ (North American Vietnamese Mennonite Fellowship - NAVMF) với một tuyên ngôn khái tượng nhằm mục đích truyền giáo và phát triển các Hội Thánh ở cả Bắc Mỹ và Việt Nam.
- 15 Liên Hữu Báp-tít Nam Phương (the Southern Baptist Convention - SBC) là hệ phái Tin Lành có trụ sở tại Hoa Kỳ. Đây là hệ phái Báp-tít lớn nhất thế giới và là cộng đồng Tin Lành lớn nhất ở Hoa Kỳ, với hơn 15 triệu thành viên vào năm 2015. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo https://en.wikipedia.org/wiki/Southern_Baptist_Convention.
- 16 Ban Quản trị Truyền giáo Hải ngoại (Foreign Mission Board, nay được gọi là Ban Quản trị Truyền giáo Quốc tế (International Mission Board - IMB) được thành lập vào năm 1845, là cơ quan truyền giáo trực thuộc Liên Hữu Báp-tít Nam Phương (SBC) hoạt động ở hầu hết mọi quốc gia, ngoại trừ Hoa Kỳ và Canada (các quốc gia này được điều hành bởi Ban Quản trị Truyền giáo Bắc Mỹ của SBC). IMB nhận được hầu hết nguồn tài trợ của mình thông qua Chương trình Hợp tác của SBC và Lottie Moon Christmas Offering hàng năm được tổ chức tại các Hội Thánh Báp-tít Nam Phương. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo: https://en.m.wikipedia.org/wiki/International_Mission_Board.
- 17 Kinh Thánh hay Biblia (từ Hy Lạp Koine, βιβλία) có nghĩa là Sách, là văn bản ghi về chương trình của Thiên Chúa trên thế giới, và mục đích của Ngài với tất cả tạo vật trong vũ trụ. Kinh Thánh là một tập hợp các văn bản thiêng hoặc Thánh Kinh mà đối với người Do Thái và tín đồ Tin Lành coi là một sản phẩm của nguồn cảm hứng thiên thượng và ghi chép về mối liên hệ giữa Thiên Chúa và nhân loại.
- 18 Lu-ca 6:20-21 - Bản Dịch 2011 (BD2011) Bản quyền © 2011 Bau Dang.
- 19 Ma-thi-ơ 6: 9 - Bản Dịch 2011 (BD2011) Bản quyền © 2011 Bau Dang.

- 20 Ma-thi-ơ 28:18-20 “Đức Chúa Jesus đến gần và nói với họ, “Tất cả quyền bính trên trời và dưới đất đã giao cho Ta.”¹⁹ Vậy hãy đi làm cho mọi dân trở thành môn đồ Ta; hãy nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh làm báp-têm cho họ, và dạy họ giữ tất cả những gì Ta đã truyền cho các ngươi. Và này, Ta ở với các ngươi luôn cho đến tận thế.” - Bản Dịch 2011 (BD2011) Bản quyền © 2011 Bau Dang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản tin Tổng hội Báp-tít Việt Nam (2009), *Người Báp Tít (Tập Chí)*, số 1/07/2009.
2. Bản tin Tổng hội Báp-tít Việt Nam (2009), *Người Báp Tít (Tập Chí)*, số 2/10/2009.
3. Bùi Bầy (2011), *Overview of the Development of Protestant Churches in the Last Three Decades (Article)*, Tọa đàm Bàn tròn 2011 “Đạo Tin Lành ở Việt Nam giai đoạn 1976-2011, Hà Nội, ngày 21/6/2011.
4. Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Địa hạt Việt Nam (2014), *Vietnam Adventist Mission (VAM) Report 2014, Plan 2015*, VAM Annual Meeting, 3-4 December 2014, HCMC.
5. Lawrence Journal World (1975), *Missionaries in Vietnam Alive and Well (Mennonite - Newspaper Article)*, 2 May 1975.
6. Lê Quốc Huy (2011), *Charity Outreach of Protestant Churches Present and Future*, Tọa đàm Bàn tròn 2011 “Đạo Tin Lành ở Việt Nam giai đoạn 1976-2011, Hà Nội, ngày 21/6/2011.
7. Luke Martin, Nguyen Quang Trung, Nguyen Thanh Tam and Nguyen Thi Tam (2011), *Articles on “The Mennonite Church in Vietnam,” Asia: Churches Engage Asian Traditions (A Global Mennonite History)*, Pandora Press, 2011.
8. Nguyễn Quang Trung (2008), *Sơ lược lịch sử 51 năm Mennonite đến Việt Nam*, Hội Thánh Mennonite Việt Nam, Tp. HCM, 2008.
9. Nguyen Quang Trung (2010), Translated by Donald Senseign, *The History of the Mennonite in Vietnam (Article)*, August 2010.
10. Nguyễn Xuân Hùng (2011), *On Protestant Composition, Organizations and Denominations in Vietnam (Article)*, Tọa đàm Bàn tròn 2011 “Đạo Tin Lành ở Việt Nam giai đoạn 1976-2011, Hà Nội, ngày 21/6/2011.
11. Nguyễn Thanh Xuân (2012), *Religions in Vietnam*, Thế giới Publishers, Hanoi, 2012.
12. Phạm Đình Nhẫn (2010), *The Role of C&MA and Other Missionaries in the Protestant Movement in Vietnam*, Hội thảo Bàn tròn 2010 “Quá trình phát triển của đạo Tin Lành ở Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1975, Hà Nội, ngày 01/12/2010.
13. Thành viên Thông Công Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Thế Giới (Bài Báo), *Lịch sử Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam (1929-2008)*, tr. 22-45.
14. Wong Ai Khim (2016), *A Few Significant Protestant Christian Denominations Officially Recognised by the Vietnamese Government in the Approach through Socio-History from 2007 to Present (Master Degree Thesis)*, IVIDES - Vietnam National University, Hanoi, 10 October 2016.

Abstract**AN OVERVIEW OF SOCIO-HISTORY THROUGH CHURCH
MOVEMENT OF THREE RECOGNISED PROTESTANT
CHRISTIAN DENOMINATIONS IN VIETNAM
IN THE EARLY 21ST CENTURY**

In the history of Vietnam, religions served both to integrate the Vietnamese people into a cohesive society and to reinforce its' importance of embracing one's religion, including Protestant Christianity in Vietnam. This study concentrated on the socio-history through church movement of several significant Protestant Christian denominations that have been officially recognized by Vietnamese Government Committee of Religious Affairs (GCRA) in the early millennium period. The Seventh-Day Adventist Church of Vietnam, Vietnam Mennonite Church and Vietnam Baptist Convention (Grace-Southern) were among the eleven Protestant Christian denominations which have been selected specifically for this study. Interviews, collecting information through designed questionnaires, conference papers and reliable published works were rationale methods in assisting this study. Instability and uncertainties due to foreign colonisations, internal revolutions and war torn in the late 19th century had lost the "period of time" in documenting the chronicle history of Protestant Christianity in Vietnam. It is essential to conserved the different period embarkments on socio-history through church movement individually as they are the intangible heritage in the history of Vietnam today.

Keywords: Protestant Christianity, Socio-History, Vietnam.